

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Số: 963 /KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 27 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH

Tiếp tục cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025

Căn cứ kết quả công bố Chỉ số Năng lực Cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Theo đó, tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) đã đạt 72,64 điểm (tăng 1,7 điểm), xếp vị trí thứ 3 trên cả nước và tiếp tục dẫn đầu khu vực đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời là địa phương xếp thứ 2 toàn quốc về mức độ cải cách nổi bật nhất trong suốt hai thập kỷ triển khai PCI (2005–2024). Tỉnh Tây Ninh trước đây đạt 68,78 điểm, nằm trong nhóm 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất năm 2024.

Trong bối cảnh cả nước đã đẩy mạnh sắp xếp đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy và tối ưu nguồn lực phát triển, việc giữ vững và nâng cao chỉ số PCI có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là thước đo chất lượng điều hành của chính quyền tỉnh, tạo động lực thúc đẩy cải cách toàn diện, tạo lập môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi và hiệu quả.

Nhằm tiếp tục cải thiện mạnh mẽ, bền vững môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, đồng thời triển khai hiệu quả các Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch tiếp tục cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

- Thực hiện hiệu quả các định hướng lớn của Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, thúc đẩy khoa học – công nghệ, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025.

- Tiếp tục đổi mới tư duy điều hành, nâng cao tinh thần cải cách trong đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở, lấy doanh nghiệp và người dân làm trung tâm phục vụ. Tăng cường trách nhiệm cá nhân trong công tác tham mưu, đặc biệt đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc chủ động cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Phấn đấu duy trì vị trí của tỉnh Tây Ninh trong nhóm các địa phương có chất lượng điều hành kinh tế tốt nhất cả nước, tạo động lực thu hút đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

(Mục tiêu chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

II. YÊU CẦU

1. Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND xã, phường phải xem công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số PCI là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. Nâng cao vai trò, trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì theo dõi các chỉ số thành phần, chỉ tiêu PCI phải chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, đề ra giải pháp cụ thể, có tính đột phá để cải thiện điểm số và thứ hạng. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện.

3. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc cải thiện Chỉ số PCI đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và cộng đồng doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận và hưởng ứng tích cực.

4. Việc triển khai phải đảm bảo tính thực chất, hiệu quả, tránh hình thức; gắn kết chặt chẽ với các chương trình cải cách hành chính, chuyển đổi số, và các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

(Danh mục nhiệm vụ thực hiện kế hoạch cải thiện 10 chỉ số thành phần tại phụ lục II đính kèm)

1. Chỉ số Gia nhập thị trường

1.1. Cải cách thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khởi sự

* Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính, Sở Nội vụ.

* Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh); các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Đảm bảo 100% thủ tục hành chính được rà soát, chuẩn hóa và công khai đầy đủ bằng nhiều hình thức đa dạng (trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh/đơn vị, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, qua mã QR tại các bộ phận tiếp nhận hồ sơ...), đặc biệt là các quy trình liên quan đến đăng ký thành lập và hoạt động của doanh nghiệp.

- Tăng cường hướng dẫn trực tuyến, tư vấn từ xa và tổ chức tập huấn định kỳ cho các doanh nghiệp mới thành lập.

- Cải thiện công tác tư vấn để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin, hiểu rõ quy trình và nộp hồ sơ hợp lệ ngay lần đầu. Chủ động hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thành nhanh chóng các thủ tục sau đăng ký như khắc dấu (nếu có), đăng ký mã số thuế, tài khoản ngân hàng, bảo hiểm xã hội và chữ ký số để sớm đi vào hoạt động.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trực tuyến ở mức độ cao, phấn đấu tăng tối đa tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến và giải quyết đúng hạn.

- Rút ngắn thời gian xử lý nội bộ, phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, bộ phận liên quan để đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

- Tiếp tục rà soát, đẩy mạnh phân cấp cho các cơ quan cấp cơ sở trong giải quyết các thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký ngành nghề, thuế, bảo hiểm... để giảm áp lực cấp tỉnh và rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ. Phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền và cơ chế kiểm tra, giám sát để tránh tình trạng đùn đẩy hoặc ban hành thêm điều kiện ngoài quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý khu kinh tế để hỗ trợ nhà đầu tư nước ngoài hoàn tất thủ tục đăng ký doanh nghiệp ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

1.2. Nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ sau đăng ký thành lập doanh nghiệp

* Cơ quan chủ trì: Thuế tỉnh Tây Ninh, Sở Tài chính.

* Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

- Tổ chức công khai, hướng dẫn bằng nhiều hình thức để doanh nghiệp dễ tiếp cận quy định liên quan đến phát hành và sử dụng hóa đơn, khai báo thuế và các nghĩa vụ ban đầu.

- Hỗ trợ doanh nghiệp cài đặt và sử dụng phần mềm kế toán, chữ ký số, phần mềm hóa đơn điện tử và các dịch vụ thuế điện tử.

- Triển khai tích hợp, liên thông các thủ tục sau đăng ký doanh nghiệp như: Khai trình sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký hóa đơn điện tử, nhằm rút ngắn thời gian xử lý, tránh trùng lặp và giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp kỹ thuật và cơ chế phối hợp liên ngành nhằm thực hiện các thủ tục hậu đăng ký một cách tự động, đồng thời, đảm bảo đồng bộ dữ liệu giữa cơ quan thuế, bảo hiểm xã hội và cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp mới trong việc thực hiện các thủ tục này một cách thuận lợi; bố trí đầu mối hỗ trợ chuyên trách tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và các kênh trực tuyến để giải đáp vướng mắc phát sinh.

1.3. Kiểm soát chất lượng thực thi thủ tục hành chính

* Cơ quan chủ trì: Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

* Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh), Sở Tư pháp.

- Chủ trì rà soát, tham mưu hoàn thiện các quy định pháp luật, quy trình thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, đặc biệt trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, đầu tư, đất đai, xây dựng... bảo đảm tuân thủ đúng pháp luật, phù hợp thực tiễn, đơn giản, dễ thực hiện.

- Các sở, ngành, địa phương thực hiện thống nhất và đồng bộ các thủ tục hành chính theo quy định pháp luật hiện hành; đảm bảo sự rõ ràng, minh bạch trong từng bước xử lý hồ sơ của doanh nghiệp.

- Tăng cường phối hợp trong kiểm soát thủ tục hành chính, kịp thời phát hiện và đề xuất bãi bỏ, sửa đổi các quy định rườm rà, không còn phù hợp, góp phần giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi gia nhập thị trường và thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh.

1.4. Minh bạch hóa và số hóa quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ doanh nghiệp

* Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Thực hiện nghiêm túc việc rà soát và triển khai đồng bộ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công và các văn bản liên quan nhằm bảo đảm thống nhất quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đầu tư, cấp phép kinh doanh tại các cơ quan, đơn vị.

- Công khai đầy đủ, kịp thời toàn bộ thủ tục hành chính, biểu mẫu, mức phí, lệ phí tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công các cấp và trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương nhằm giúp tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận và thực hiện.

- Nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện bằng cách chuẩn hóa quy trình xử lý, rút ngắn thời gian giải quyết, đảm bảo đúng các quy định đã được đơn giản hóa, không tự ý đặt thêm yêu cầu ngoài luật định gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Tăng cường tuyên truyền, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC trên môi trường mạng để người dân, doanh nghiệp theo dõi, giám sát, đánh giá quá trình giải quyết hồ sơ TTHC của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan nhà nước.

- Ưu tiên chọn những cán bộ nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ, có đạo đức công vụ và kỹ năng tốt để làm việc tại các bộ phận thường xuyên tiếp xúc với doanh nghiệp.

2. Chỉ số Chi phí thời gian

2.1. Nâng cao hiệu quả xử lý thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện

* Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường; Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, kịp thời chấn chỉnh những nơi xử lý chậm, tồn đọng hoặc gây phiền hà.

- Rà soát quy trình xử lý liên ngành các thủ tục chậm (đất đai – xây dựng – đầu tư...), nghiên cứu đề xuất đơn giản hóa các bước trung gian.

- Phân tích số liệu thời gian giải quyết từng loại thủ tục để xác định khâu chậm tiến độ, từ đó đề xuất cải tiến quy trình xử lý nội bộ giữa các phòng, đơn vị chuyên môn.

- Cập nhật, công bố công khai thời gian thực tế bình quân giải quyết từng loại thủ tục và mức độ đúng hạn theo từng tháng/quý để doanh nghiệp giám sát.

2.2. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình

* Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường; Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.

- Hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng hiệu quả các nền tảng dịch vụ công trực tuyến; tăng tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng “dịch vụ trực tuyến giúp tiết kiệm thời gian”.

2.3. Giảm áp lực thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, chống chồng chéo

* Cơ quan chủ trì: Thanh tra tỉnh, Thuế tỉnh Tây Ninh.

* Cơ quan phối hợp: Chi cục Hải quan khu vực XVII; các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Rà soát, điều phối kế hoạch thanh tra – kiểm tra giữa các đơn vị để tránh trùng lặp, đảm bảo mỗi doanh nghiệp chỉ bị thanh tra, kiểm tra một lần/năm, trừ trường hợp đặc biệt theo quy định pháp luật.

- Rút ngắn thời gian mỗi cuộc thanh tra, kiểm tra; nghiên cứu mô hình hậu kiểm thay vì tiền kiểm trong các lĩnh vực ít rủi ro.

- Tăng cường giám sát cán bộ thanh tra nhằm phòng ngừa tình trạng gọi ý chi phí ngoài quy định hoặc thương lượng nghĩa vụ tài chính.

3. Chỉ số Chi phí không chính thức

3.1. Tăng cường kỷ luật công vụ, chấn chỉnh hành vi nhũng nhiễu

* Cơ quan chủ trì: Thanh tra tỉnh.

* Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan.

- Tăng cường thanh tra công vụ, kiểm tra đột xuất tại các bộ phận một cửa, đặc biệt là các lĩnh vực nhạy cảm như: Đất đai, đầu tư, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường, đăng ký kinh doanh, thuế, hải quan...

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà trong giải quyết công việc.

- Kiên quyết thay thế, xử lý nghiêm minh cán bộ, công chức, viên chức có hành vi lợi dụng vị trí công tác để gây khó khăn, trục lợi khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu trong việc để xảy ra tình trạng sách nhiễu, gây phát sinh chi phí ngoài quy định; tổ chức kiểm điểm nếu để doanh nghiệp phản ánh nhiều lần.

3.2. Hoàn thiện chính sách pháp luật, loại bỏ sơ hở tạo điều kiện phát sinh chi phí không chính thức

* Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường.

* Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật liên quan đến quản lý kinh tế - xã hội, nhất là các quy định về đấu thầu, đấu giá, quy hoạch, đất đai, tài sản công, tài chính, xây dựng, đầu tư công.

- Kiến nghị kịp thời sửa đổi, bãi bỏ những quy định không rõ ràng, chồng chéo hoặc lợi dụng để gợi ý chi phí ngoài quy định.

- Tổ chức tập huấn, phổ biến pháp luật thường xuyên cho cán bộ tiếp nhận xử lý thủ tục nhằm giảm tình trạng hướng dẫn mập mờ, thiếu minh bạch.

3.3. Nâng cao đạo đức công vụ và năng lực ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức

- * Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.

- * Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường; Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.

- Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, đạo đức công vụ, văn hóa ứng xử và phòng chống tham nhũng cho cán bộ, công chức, nhất là tại bộ phận một cửa.

Tuyên truyền sâu rộng các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ, các hành vi bị nghiêm cấm trong thực thi công vụ, nhất là với công chức giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp.

Xây dựng hình ảnh cán bộ "gần dân, không nhúng nhũn, không tiêu cực"; cam kết không nhận chi phí ngoài quy định khi thực hiện nhiệm vụ.

4. Chỉ số Tính năng động của chính quyền tỉnh

4.1. Tăng cường trách nhiệm thực thi và giám sát việc triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh

- * Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh.

- * Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Tăng cường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh trong tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đẩy nhanh tiến độ dự án đầu tư.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại các cuộc họp thường kỳ và đột xuất của UBND tỉnh; công khai các văn bản chỉ đạo điều hành trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để người dân, doanh nghiệp dễ tiếp cận, theo dõi và phản hồi.

- Tham mưu thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của UBND tỉnh; nâng cao trách nhiệm thực thi chính sách của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

4.2. Xây dựng môi trường kinh doanh thân thiện và hỗ trợ

- * Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính.

- * Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức các buổi đối thoại doanh nghiệp với đa dạng các hình thức đối thoại, gặp gỡ thường xuyên với cộng đồng doanh nghiệp (trực tiếp, trực tuyến, qua khảo sát...); đẩy mạnh việc tiếp nhận, tổng hợp và xử lý các kiến nghị đúng thẩm quyền hoặc đề xuất phương án giải quyết vượt thẩm quyền.

- Phối hợp triển khai hiệu quả Nghị quyết 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân trong tình mới.

- Theo dõi, báo cáo hoạt động của Tổ công tác đặc biệt tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; chủ động báo cáo UBND tỉnh trong các trường hợp vượt thẩm quyền.

- Tham mưu triển khai hiệu quả Bộ chỉ số DDCI để đánh giá năng lực điều hành của các sở ngành, địa phương, thúc đẩy sự năng động, sáng tạo và tinh thần phục vụ doanh nghiệp.

4.3. Thúc đẩy đổi mới và ứng dụng công nghệ

* Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

* Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

Đổi mới quy trình và phương thức làm việc; khuyến khích các sở, ban, ngành, địa phương áp dụng các sáng kiến, giải pháp mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính.

4.4. Phát huy vai trò năng động, sáng tạo của các cấp chính quyền trong triển khai chính sách

* Cơ quan chủ trì: Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Nêu cao tinh thần trách nhiệm, năng động, sáng tạo trong tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước và chỉ đạo của UBND tỉnh; đảm bảo sự thống nhất cao trong thực hiện từ tỉnh đến cơ sở. Chủ động giải quyết công việc theo thẩm quyền; không đùn đẩy trách nhiệm. Phát huy tính năng động, sáng tạo của lãnh đạo các cấp trong thực thi các chính sách pháp luật nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương “đồng hành cùng doanh nghiệp”; chủ động theo dõi, tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân và doanh nghiệp, xem đây là kênh phản biện về hiệu quả thực thi công vụ; thường xuyên gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp qua nhiều hình thức và chủ động giải quyết theo thẩm quyền; công khai tiến độ, kết quả giải quyết cho doanh nghiệp.

5. Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

5.1. Triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đồng bộ

* Cơ quan chủ trì: Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Tích cực triển khai, thực hiện hiệu quả các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đã ban hành, đảm bảo các chính sách đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng thực tiễn.

- Tập trung thực hiện tốt các giải pháp về phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất sạch và mặt bằng sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu mở rộng đầu tư.

- Triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.

- Hỗ trợ hình thành các chuỗi giá trị liên kết trong sản xuất kinh doanh, tăng cường hoạt động kết nối xúc tiến đầu tư, thương mại nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của tỉnh.

- Đẩy mạnh các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hỗ trợ đổi mới, chuyển giao công nghệ, phát triển thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của tỉnh.

- Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia có hiệu quả vào Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp, nông thôn.

5.2. Nâng cao năng lực hội nhập và phát triển thị trường

- * Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương.

- * Cơ quan phối hợp: Chi cục Hải quan khu vực XVII; Thuế tỉnh Tây Ninh; Ngân hàng nhà nước khu vực XIII và các cơ quan liên quan.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết. Nâng cao chất lượng cung cấp thông tin, hướng dẫn thủ tục để doanh nghiệp tiếp cận hiệu quả các chương trình hỗ trợ tận dụng cơ hội từ các FTA. Nắm bắt tình hình, phối hợp và tham mưu tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện các FTA.

- Xây dựng giải pháp phù hợp giúp doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận các nguồn vốn, tín dụng, xác lập quan hệ giao thương và quan hệ đối tác chiến lược nhằm phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Tăng cường hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường; đẩy mạnh kết nối cung cầu để tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, nông sản; hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tiêu thụ hàng hóa của tỉnh.

- Tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng hạ tầng và thu hút các dự án thứ cấp vào cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án khuyến công hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng sức cạnh tranh sản phẩm.

5.3. Tăng cường hỗ trợ pháp lý và cải thiện môi trường đầu tư

- * Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp; Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ.

- * Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quyết định số 167/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền

vững giai đoạn 2022-2025”. Phối hợp với các cơ quan tiếp nhận đầu tư đánh giá về công nghệ các dự án đầu tư theo quy định.

- Nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư “tại chỗ”. Đẩy mạnh giải pháp hỗ trợ các dự án đầu tư đang triển khai tại tỉnh. Nâng cao chất lượng hỗ trợ doanh nghiệp gắn với nhu cầu thực tiễn của cộng đồng doanh nghiệp.

- Duy trì và vận hành các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị từ doanh nghiệp (đường dây nóng, hộp thư góp ý, Cổng thông tin doanh nghiệp tỉnh...), bảo đảm tiếp nhận, xử lý kịp thời và đúng thẩm quyền.

- Phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, giải đáp các vướng mắc về quy định pháp lý; tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách thủ tục hành chính.

5.4. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- * Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- * Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại và giải pháp công nghệ số vào quy trình sản xuất, quản trị doanh nghiệp và phát triển sản phẩm.

- Phát triển dịch vụ khoa học công nghệ phục vụ doanh nghiệp, bao gồm: Tư vấn công nghệ, tìm kiếm - chuyển giao - đổi mới công nghệ, hỗ trợ sở hữu trí tuệ, kết nối với tổ chức nghiên cứu trong và ngoài nước.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế tư nhân, xây dựng môi trường đầu tư hiện đại, thông minh và bền vững.

- Gắn kết chặt chẽ các chương trình đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số với việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2014 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

5.5. Đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh và kết nối doanh nghiệp

- * Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương, Sở Tài chính.

- * Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Chủ động phối hợp giữa lực lượng quản lý thị trường, công an kinh tế, ngành thuế, UBND xã, phường trong việc kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm như buôn lậu, sản xuất – kinh doanh hàng giả, gian lận thương mại, vi phạm sở hữu trí tuệ, bán phá giá...; bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch và lành mạnh cho cộng đồng doanh nghiệp.

- Chủ động tích cực tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của tỉnh. Khuyến khích doanh nghiệp chủ động tương tác với các cơ quan, chính quyền địa phương thông qua các kênh ứng dụng công nghệ thông tin (website, cổng thông tin điện tử, hotline, fanpage...). Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chuyên đề về phát triển thương hiệu, chuẩn hóa sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử...

- Đẩy mạnh tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, kết nối cung cầu, đặc biệt tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khu vực nông thôn tham gia vào các chuỗi giá trị, mạng lưới phân phối và chuỗi cung ứng trong và ngoài tỉnh.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định pháp luật có nội dung không phù hợp, gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiềm ẩn nguy cơ tạo ra độc quyền, lợi ích nhóm hoặc sự bất bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

- Tăng cường phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ, các hiệp hội ngành hàng, chi hội... trong việc tiếp nhận, tổng hợp phản ánh, kiến nghị từ cộng đồng doanh nghiệp để kịp thời báo cáo UBND tỉnh, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, cải thiện chất lượng điều hành và hỗ trợ doanh nghiệp sát với thực tiễn.

5.6. Cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng và hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp

- * Cơ quan chủ trì: Ngân hàng nhà nước khu vực XIII.

- * Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính (đối với việc tiếp cận nguồn vốn từ Quỹ phát triển DNNVV, Quỹ đầu tư khởi nghiệp); Các sở, ngành liên quan.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trong việc tiếp cận các chương trình ưu đãi tín dụng, bảo lãnh vay vốn, Quỹ phát triển DNNVV, Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo...

- Phối hợp với các sở, ngành trên địa bàn tỉnh tổ chức các Hội nghị kết nối ngân hàng doanh nghiệp bằng các hình thức phù hợp để giúp doanh nghiệp hiểu rõ quy trình, tiêu chí tiếp cận vốn.

- Tăng cường vai trò điều phối của chính quyền tỉnh trong kết nối tín dụng giữa ngân hàng và doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao, xuất khẩu.

6. Chỉ số Tiếp cận đất đai

6.1. Minh bạch hóa và đơn giản thủ tục đất đai

- * Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường

- * Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Cập nhật đầy đủ, liên tục và công khai các thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất sạch, danh mục dự án sử dụng đất trên các kênh chính thống như: Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trung tâm Phục vụ Hành chính công, hệ thống bản đồ địa chính số... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận

thông tin một cách minh bạch. Đồng thời, công bố công khai bảng giá đất, kế hoạch sử dụng đất hằng năm, thông tin về đấu giá quyền sử dụng đất và các dự án lựa chọn nhà đầu tư trên nền tảng trực tuyến.

- Chuẩn hóa toàn bộ quy trình, hồ sơ, biểu mẫu, thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến đất đai; công khai tại bộ phận một cửa, trên nền tảng trực tuyến và các điểm tiếp nhận hồ sơ. Đảm bảo thông tin rõ ràng, dễ tra cứu, hạn chế tình trạng hướng dẫn không thống nhất.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất các giải pháp đơn giản hóa thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết TTHC, quy trình giải quyết TTHC, rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và các thủ tục liên quan đến chuyển mục đích, cho thuê đất, thu hồi đất...

- Triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, ưu tiên các thủ tục đất đai thường xuyên sử dụng như: Cấp GCNQSDĐ, đăng ký biến động, xác nhận tài sản trên đất, trích lục hồ sơ... giúp doanh nghiệp thực hiện hồ sơ nhanh chóng, không phụ thuộc vào việc nộp hồ sơ trực tiếp.

- Xây dựng, hoàn thiện và vận hành hiệu quả cơ sở dữ liệu đất đai số, tích hợp với hệ thống bản đồ địa chính, đảm bảo kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã. Từng bước phát triển nền tảng dữ liệu mở phục vụ việc tra cứu, định giá, quy hoạch và sử dụng đất hiệu quả.

6.2. Nâng cao hiệu quả quản lý và giải quyết vướng mắc về đất đai

- * Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường

- * Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Rà soát, xử lý dứt điểm các trường hợp giao đất, cho thuê đất nhưng chậm đưa vào sử dụng hoặc sử dụng sai mục đích; chủ động kiến nghị thu hồi các khu đất không hiệu quả, tăng nguồn cung đất sạch cho phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư bền vững.

- Đánh giá hiệu quả sử dụng các khu đất đã quy hoạch nhưng chưa khai thác; xây dựng kế hoạch khai thác, tái phân bổ hợp lý, đảm bảo sử dụng tài nguyên đất đai đúng mục đích và hiệu quả.

- Chuẩn hóa quy trình nội bộ giữa các sở, ngành liên quan để rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ. Đảm bảo sự ổn định, thống nhất trong việc giải quyết thủ tục đất đai theo từng giai đoạn, tránh tình trạng thay đổi bất thường gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Rà soát, cải tiến phương pháp định giá đất, xác định nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với thực tế thị trường; phối hợp chặt chẽ giữa các sở ngành liên quan nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý hồ sơ.

- Tham gia các cuộc đối thoại định kỳ giữa chính quyền và doanh nghiệp để tiếp nhận và kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận đất đai, tích cực phối hợp với UBND giải phóng mặt bằng, tái định cư, đặc biệt là các dự án trọng điểm.

- Chủ động phối hợp xử lý các hồ sơ định giá đất, xác định nghĩa vụ tài chính đúng quy trình, thẩm quyền và đúng thời hạn. Đồng thời, kiến nghị sửa đổi các quy định pháp luật đất đai còn chồng chéo, bất cập nhằm tháo gỡ điểm nghẽn trong phát triển sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục rà soát và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật đất đai còn bất cập, chồng chéo, nhất là các quy định về thủ tục hành chính, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, định giá đất, giao đất, cho thuê đất... nhằm tháo gỡ điểm nghẽn trong phát triển sản xuất, kinh doanh.

6.3. Nâng cao trách nhiệm công vụ và phòng chống tiêu cực

* Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ; Thanh tra tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh); Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và đột xuất đối với cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết các thủ tục đất đai. Xử lý nghiêm minh các trường hợp nhũng nhiễu, gây khó khăn, đòi hỏi thêm tiền hoặc có hành vi đe dọa, gây sức ép đối với doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục đất đai.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng về đạo đức công vụ, kỹ năng giao tiếp, thái độ phục vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại các bộ phận tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đất đai, nhằm xây dựng hình ảnh chính quyền thân thiện, liêm chính.

- Thiết lập và công khai các kênh tiếp nhận thông tin phản ánh về các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu. Đảm bảo quy trình xử lý thông tin nhanh chóng, hiệu quả và bảo vệ người phản ánh.

6.4. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong cải thiện tiếp cận đất đai

* UBND xã, phường:

- Thực hiện nghiêm việc công khai, cập nhật quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn theo quy định.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, bảo đảm đúng tiến độ, phù hợp với thực tiễn và hài hòa lợi ích giữa nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

- Tăng cường rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng quỹ đất công trên địa bàn; chủ động đề xuất thu hồi các diện tích sử dụng kém hiệu quả, không đúng mục đích để tổ chức đấu giá, giới thiệu dự án đầu tư; việc thực hiện phải đảm bảo đúng trình tự pháp luật, công khai, minh bạch và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.

- Chủ động xử lý hoặc phối hợp xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải phóng mặt bằng, đặc biệt đối với các dự án trọng điểm trên địa bàn; bảo đảm quỹ đất sạch, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

* Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp tổ chức kịp thời các cuộc họp của Hội đồng Thẩm định giá đất tỉnh để xem xét, thẩm định hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai của các tổ chức, doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật; góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư.

- Đề xuất và triển khai các giải pháp hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp trong việc tìm kiếm, tiếp cận quỹ đất và mặt bằng sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động.

*** Thuế tỉnh Tây Ninh:**

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư thực hiện đầy đủ, kịp thời các thủ tục kê khai, xác định và nộp nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai theo đúng quy định pháp luật.

- Phối hợp với các sở, ngành và địa phương trong việc xử lý các vướng mắc phát sinh liên quan đến thuế sử dụng đất, lệ phí trước bạ, tiền thuê đất và các khoản thu khác; đảm bảo quá trình thực hiện nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp được thuận lợi, đúng thời hạn, góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư.

*** Ban Quản lý khu kinh tế, Sở Công Thương:**

- Phối hợp rà soát, quy hoạch và phát triển quỹ đất trong các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu mặt bằng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các giải pháp thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, nhất là các khu vực đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật.

- Cập nhật, công bố công khai danh mục các khu, cụm công nghiệp còn quỹ đất sẵn sàng cho thuê hoặc chuyển nhượng, kèm theo các thông tin chi tiết về vị trí, quy mô, hạ tầng, ngành nghề thu hút đầu tư... trên Cổng thông tin điện tử và các nền tảng trực tuyến.

- Hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình lựa chọn địa điểm, tiếp cận mặt bằng và hoàn tất các thủ tục liên quan đến đất đai tại khu, cụm công nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

- Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan trong công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm.

7. Chỉ số Tính minh bạch

7.1. Nâng cao minh bạch thông tin và khả năng tiếp cận dữ liệu

*** Cơ quan chủ trì:** Sở Khoa học và Công nghệ.

*** Cơ quan phối hợp:** Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh), các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Rà soát, cập nhật và công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời đối với thông tin hành chính, dữ liệu pháp lý, quy hoạch phát triển, kế hoạch sử dụng đất, danh

mục dự án kêu gọi đầu tư và các thông tin liên quan đến quy trình cấp phép đầu tư trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, website các sở, ngành và Trung tâm Phục vụ Hành chính công và đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán giữa các cấp, các ngành và các cơ quan quản lý.

- Nâng cao chất lượng và độ tin cậy của các thông tin, văn bản (bao gồm quy định, thủ tục hành chính, chỉ đạo điều hành) trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và website của các sở, ngành.

- Nâng cấp giao diện, chức năng tra cứu và tính tương tác trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các website thành phần theo hướng thân thiện, thuận tiện, đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công cụ tự động hóa để chủ động cung cấp thông tin công khai theo nhu cầu của doanh nghiệp, người dân; Tối ưu hóa quy trình nội bộ để rút ngắn thời gian chờ đợi nhận được thông tin, văn bản theo yêu cầu của doanh nghiệp.

- Định kỳ tổ chức đánh giá hiệu quả vận hành và khả năng cập nhật thông tin của các đơn vị chủ quản website; hướng dẫn chuẩn hóa nội dung, bố cục và phương pháp hiển thị thông tin trên nền tảng số nhằm tăng cường mức độ tương tác với người dùng; hướng dẫn và khắc phục những hạn chế trên từng trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị nhằm phát huy hiệu quả trong việc truyền tải thông tin đến doanh nghiệp.

7.2. Tăng cường minh bạch trong đối thoại và tham vấn chính sách

- * Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính; Sở Tư pháp.

- * Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND xã, phường.

- Duy trì hiệu quả các buổi đối thoại định kỳ giữa chính quyền và cộng đồng doanh nghiệp, bảo đảm thông tin phản hồi được công bố công khai, rõ ràng và có tính kết luận, giúp doanh nghiệp nắm được tiến độ giải quyết các vấn đề vướng mắc.

- Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng, sửa đổi các chính sách, văn bản pháp luật; bảo đảm phản hồi đầy đủ và đúng thời hạn các ý kiến được gửi qua các kênh chính thức.

7.3. Minh bạch hóa quy trình và thúc đẩy tuân thủ pháp luật

- * Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh); Sở Nội vụ; Thanh tra tỉnh; Thuế tỉnh Tây Ninh.

- * Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Thực hiện nghiêm túc quy định về thành phần hồ sơ trong các thủ tục cấp phép kinh doanh, tránh việc yêu cầu doanh nghiệp nộp thêm các loại tài liệu không có trong quy định chính thức.

- Xây dựng quy chế phối hợp và kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp một cách khoa học, tránh chồng chéo, lặp lại, đảm bảo mỗi doanh nghiệp chỉ bị

thanh tra, kiểm tra không quá 01 lần/năm (trừ trường hợp đột xuất có dấu hiệu vi phạm); bảo đảm công khai danh sách các doanh nghiệp thuộc diện kiểm tra trong năm và kết luận thanh tra, kiểm tra một cách minh bạch, có trách nhiệm.

- Tăng cường công tác kiểm tra công vụ, công tác phòng chống tham nhũng; công khai minh bạch trong chỉ đạo điều hành để hạn chế tối đa tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng “mối quan hệ” trong hoạt động kinh doanh.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm trong thực quá trình thực thi công vụ.

- Văn phòng UBND tỉnh: Thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất việc công khai niêm yết thủ tục hành chính tại các Trung tâm Phục vụ Hành chính công, đảm bảo quy trình phục vụ minh bạch, thân thiện, đúng quy định.

- Thuế tỉnh Tây Ninh: Theo dõi chặt chẽ quá trình thanh tra, kiểm tra thuế, kịp thời chấn chỉnh những sai phạm trong quá trình thực thi nhiệm vụ; công bố kết quả kiểm tra tài chính theo hướng rõ ràng, công bằng và không gây áp lực không chính thức cho doanh nghiệp.

8. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

8.1. Đảm bảo công bằng trong tiếp cận chính sách và cơ hội đầu tư

- * Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính.

- * Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Tăng cường vai trò điều phối, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, bảo đảm sự công bằng giữa các loại hình doanh nghiệp, không để xảy ra tình trạng thiên vị hoặc tập trung ưu tiên không hợp lý cho các doanh nghiệp quy mô lớn hoặc có quan hệ đặc biệt.

- Chủ động công bố rõ ràng các tiêu chí xét chọn, phân bổ nguồn lực đầu tư công, đất đai, tín dụng ưu đãi, các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo... nhằm tạo cơ hội tiếp cận đồng đều giữa doanh nghiệp nhà nước, tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp FDI.

- Tổ chức đánh giá định kỳ mức độ tiếp cận chính sách của từng nhóm doanh nghiệp để kịp thời điều chỉnh các chương trình hỗ trợ, tránh chênh lệch và loại trừ không công bằng. Ưu tiên triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp khởi nghiệp theo hướng dễ tiếp cận, chi phí thấp và minh bạch về thủ tục.

- Tham mưu, tổng hợp, đôn đốc các cơ quan chức năng công bố công khai các chính sách, quy hoạch, thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, đất đai, tài chính, thuế và ưu đãi phát triển doanh nghiệp trên các kênh chính thức. Bảo đảm mọi doanh nghiệp đều có quyền và điều kiện tiếp cận thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, không phân biệt quy mô hay sở hữu.

8.2. Minh bạch và công bằng trong thủ tục hành chính và đầu thầu

* Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh), Sở Tài chính.

* Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ Hành chính công các cấp, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan.

- Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị, đảm bảo mọi hồ sơ của doanh nghiệp được giải quyết đúng trình tự, thời hạn, không phân biệt quy mô, loại hình sở hữu hay mức độ quen biết với cơ quan quản lý. Xử lý nghiêm các hành vi thiên vị trong quá trình thụ lý thủ tục hành chính.

- Chuẩn hóa toàn bộ quy trình xử lý các thủ tục về đầu tư, xây dựng, cấp giấy phép kinh doanh, đăng ký sử dụng đất, môi trường... nhằm hạn chế tối đa tình trạng can thiệp cá nhân, làm phát sinh các cơ chế “xin - cho” không minh bạch. Bảo đảm quy trình được công khai, thống nhất và dễ tiếp cận cho mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

- Khuyến khích các cơ quan hành chính chủ động hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc cung cấp thông tin chính xác về quy hoạch sử dụng đất, quy trình cấp phép đầu tư, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và các nội dung liên quan đến tài chính, thuế, ưu đãi đầu tư... qua các kênh chính thức, góp phần tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng và minh bạch giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Các sở, ngành và UBND xã, phường: Tổ chức rà soát toàn diện các quy trình hành chính liên quan đến đầu tư, kinh doanh và tài nguyên, nhằm kịp thời kiến nghị UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung những điểm chưa rõ, gây hiểu nhầm hoặc tạo ra bất bình đẳng giữa các nhóm doanh nghiệp. Bảo đảm mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính một cách công khai, dễ dàng, không bị cản trở bởi quy trình phức tạp hoặc hành vi tiêu cực.

8.3. Kiểm soát ưu đãi thuế và các hỗ trợ tài chính

* Cơ quan chủ trì: Thuế tỉnh Tây Ninh; Ngân hàng nhà nước khu vực XIII.

- Rà soát, đánh giá toàn diện các chính sách thuế ưu đãi, miễn giảm, gia hạn nộp thuế, hoàn thuế và các hình thức hỗ trợ tài chính khác, bảo đảm việc áp dụng không mang tính thiên vị cho doanh nghiệp lớn hoặc có vốn đầu tư nước ngoài, mà dựa trên tiêu chí rõ ràng, công khai và công bằng cho mọi thành phần kinh tế.

- Tăng cường công khai dữ liệu thống kê về mức độ thụ hưởng chính sách thuế theo từng nhóm doanh nghiệp (doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp FDI...), làm cơ sở theo dõi, kiểm chứng và điều chỉnh chính sách nếu có sự chênh lệch thiếu hợp lý.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, đề xuất cơ chế bảo đảm khả năng tiếp cận bình đẳng các chính sách ưu đãi thuế và tài chính cho các

doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhằm tạo điều kiện để nhóm doanh nghiệp này có cơ hội cạnh tranh sòng phẳng trong phục hồi và mở rộng sản xuất, kinh doanh.

- Ngân hàng nhà nước khu vực XIII: Chỉ đạo hệ thống ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn công khai quy trình xét duyệt hồ sơ tín dụng, lãi suất ưu đãi và các điều kiện vay vốn. Đồng thời, tăng cường giám sát việc triển khai chính sách tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sau dịch, bảo đảm mọi thành phần kinh tế đều có cơ hội tiếp cận nguồn lực tài chính chính thức một cách minh bạch và thuận lợi.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, phổ biến chính sách tài chính - tín dụng, đồng thời, thiết lập đầu mối tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận chính sách ưu đãi thuế và nguồn vốn vay ưu đãi, từng bước thu hẹp khoảng cách về cơ hội giữa các nhóm doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư - sản xuất.

9. Chỉ số Đào tạo lao động

9.1. Tăng cường kết nối giữa đào tạo và nhu cầu doanh nghiệp

* Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo.

* Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Chủ động triển khai điều tra, khảo sát thường xuyên về nhu cầu lao động tại các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế và doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh để làm căn cứ định hướng chiến lược đào tạo, định hình danh mục ngành nghề và phân bổ quy mô đào tạo phù hợp thực tiễn. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia phản hồi định kỳ về chất lượng nhân lực hiện có và dự báo nhu cầu tuyển dụng trong thời gian tới.

- Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa nhà nước - cơ sở giáo dục - doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức thực hành thực tập tại doanh nghiệp, đánh giá đầu ra và đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực sau đào tạo. Từng bước triển khai mô hình liên kết đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp. Đẩy mạnh đào tạo gắn với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 nhà: Nhà nước - Nhà doanh nghiệp - Nhà nước đối với các nghề thiết hụt lao động và xu thế phát triển trong tương lai như: Logistic, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, công nghiệp bán dẫn...

- Tăng cường hỗ trợ hoạt động đào tạo lại, nâng cao kỹ năng cho người lao động đang làm việc, đặc biệt là trong các ngành thâm dụng lao động, công nghiệp chế biến, điện - điện tử, logistics và các lĩnh vực chuyển đổi số. Ưu tiên đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng số, ngoại ngữ để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Xây dựng hệ thống kết nối cung cầu lao động đồng bộ, trong đó các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đóng vai trò trung tâm tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, gắn đào tạo với yêu cầu tuyển dụng thực tế của doanh nghiệp. Phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ đào tạo nghề chất lượng, có sự giám sát, đánh giá đầu ra rõ ràng.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia kiểm định chất lượng đào tạo, ký cam kết tiếp nhận thực tập, tuyển dụng sau đào tạo; đồng thời kiến nghị chính

sách hỗ trợ doanh nghiệp trong việc bồi dưỡng, cập nhật trình độ kỹ thuật cho người lao động phù hợp với tiêu chuẩn công việc và xu thế hội nhập.

9.2. Cải thiện chất lượng và hiệu quả đào tạo phổ thông - nghề nghiệp

* Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

* Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; các Sở ngành tỉnh; UBND xã, phường.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và thực hành cho các trường phổ thông và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhất là ở các địa bàn còn khó khăn nhằm thu hẹp khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa khu vực thành thị và nông thôn.

- Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục theo hướng hiện đại, chuyên sâu, gắn với yêu cầu chuyển đổi phương pháp giảng dạy từ lý thuyết sang thực hành, ứng dụng. Ưu tiên phát triển kỹ năng số, tư duy đổi mới sáng tạo và kỹ năng mềm trong chương trình đào tạo.

- Thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá định kỳ kết quả đào tạo trung học và nghề nghiệp. Đưa tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm hoặc chuyển tiếp lên học bậc cao hơn trở thành một chỉ tiêu quan trọng trong đánh giá hiệu quả đào tạo.

- Đẩy mạnh các chương trình đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề thiết yếu và kỹ năng số cho thanh niên chưa qua đào tạo, lao động phi chính thức, người lao động hồi hương sau đại dịch hoặc chuyển đổi nghề. Khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp trong công tác đào tạo, gắn đào tạo với tuyển dụng.

- Đưa nội dung hướng nghiệp, khởi nghiệp, kỹ năng thích ứng với chuyển đổi số, biến động thị trường và xu thế nghề nghiệp mới vào chương trình đào tạo phổ thông và giáo dục nghề nghiệp; tăng cường công tác tư vấn – định hướng nghề nghiệp ngay từ cấp THCS. Phát triển bộ công cụ số và tài liệu điện tử hỗ trợ hướng nghiệp cho học sinh THCS, THPT.

- Đẩy mạnh thực hiện các đề án, kế hoạch phát triển nhân lực của tỉnh giai đoạn 2021–2030, trọng tâm là đào tạo nguồn lao động có tay nghề cao, đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp, dịch vụ chất lượng cao và chuyển đổi số. Đồng thời, chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực làm việc trong môi trường đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ.

- Tổ chức rà soát và triển khai hiệu quả quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tích hợp trong Quy hoạch tỉnh. Phối hợp với các sở, ngành liên quan để xây dựng chính sách hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp tham gia đào tạo và tuyển dụng lao động sau đào tạo.

9.3. Mở rộng cơ hội việc làm và nâng cao năng lực tiếp cận lao động trẻ

* Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.

- Tổ chức hoàn thiện cơ sở dữ liệu về thị trường lao động tại cấp tỉnh và cấp cơ sở, bảo đảm tích hợp thông tin về nhu cầu tuyển dụng, nguồn cung lao

động, vị trí việc làm theo ngành nghề, khu vực và trình độ, nhằm hỗ trợ người lao động, đặc biệt là lao động trẻ, tiếp cận nhanh chóng, chính xác với cơ hội nghề nghiệp phù hợp.

- Mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng các phiên giao dịch việc làm theo hình thức trực tiếp và trực tuyến, tập trung vào các địa bàn có tỷ lệ thất nghiệp cao, khu vực nông thôn và vùng chuyển dịch lao động mạnh. Xây dựng bộ công cụ quản lý cung cầu lao động hiệu quả, đồng thời tăng cường ứng dụng nền tảng số, AI trong kết nối, giới thiệu việc làm và phân tích xu hướng thị trường lao động.

- Xây dựng hệ thống thông tin phản hồi hai chiều giữa doanh nghiệp và người lao động nhằm cập nhật nhanh xu hướng việc làm, kỹ năng cần thiết và những điều chỉnh về thị trường lao động. Hỗ trợ hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh, đảm bảo vai trò trung gian hiệu quả giữa người lao động và nhà tuyển dụng.

- Chủ động dự báo và cập nhật nhu cầu nhân lực theo ngành nghề trọng điểm, định hướng ưu tiên của tỉnh trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp đào tạo tập trung và định hướng lại thị trường lao động địa phương, bảo đảm nguồn cung nhân lực chất lượng phù hợp nhu cầu phát triển bền vững của doanh nghiệp.

10. Chỉ số Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự

10.1. Nâng cao tính công bằng, minh bạch trong xét xử và thực thi pháp luật

- * Cơ quan chủ trì: Tòa án nhân dân tỉnh.

- * Cơ quan phối hợp: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Sở Tư pháp; Thanh tra tỉnh; các sở, ngành liên quan.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác giải quyết tranh chấp kinh tế, dân sự và hành chính theo hướng công khai, đúng pháp luật và không chịu tác động tiêu cực từ các yếu tố bên ngoài.

- Rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết vụ việc tại tòa án, đảm bảo đúng thời hạn luật định; nâng cao tỷ lệ giải quyết dứt điểm vụ án kinh tế ngay tại phiên sơ thẩm.

- Công bố đầy đủ các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của hệ thống tòa án nhằm tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp, lợi dụng chức vụ trong quá trình thực thi nhiệm vụ tư pháp.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, bản lĩnh nghề nghiệp và tinh thần thượng tôn pháp luật cho đội ngũ thẩm phán, hội thẩm, thư ký tòa án.

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh phối hợp đảm bảo kiểm sát chặt chẽ quá trình xét xử, đặc biệt trong các vụ án kinh tế thương mại có yếu tố tranh chấp hợp đồng, đầu tư hoặc liên quan doanh nghiệp FDI.

- Các cơ quan hành chính cấp tỉnh và địa phương chủ động phối hợp với cơ quan tư pháp trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng ngừa tội phạm kinh tế, xử lý kịp thời hành vi gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp.

- Thiết lập và vận hành hiệu quả các kênh phản ánh, tố cáo từ cộng đồng doanh nghiệp về hành vi tiêu cực trong xử lý công việc hành chính và tư pháp; tăng cường phối hợp liên ngành trong tiếp nhận, phân loại và xử lý các vụ việc vi phạm.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động tố tụng, xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp, rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp, phán quyết công bằng, đúng pháp luật để tăng niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp vào sự bảo vệ của pháp luật.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết định kỳ công tác xét xử các vụ việc liên quan doanh nghiệp để rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng hoạt động xét xử, qua đó củng cố niềm tin của doanh nghiệp vào vai trò bảo vệ pháp luật của hệ thống tòa án.

10.2. Nâng cao khả năng tiếp cận và chi phí giải quyết tranh chấp của doanh nghiệp

* Cơ quan chủ trì: Toà án nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh.

* Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường

- Rà soát, đề xuất hoàn thiện các quy định liên quan đến cơ chế khởi kiện, hòa giải, giải quyết tranh chấp thương mại nhằm đảm bảo tính rõ ràng, dễ hiểu, thuận lợi trong áp dụng thực tiễn, nhất là đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Mở rộng mạng lưới tư vấn pháp lý miễn phí hoặc có hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp thông qua các tổ chức đoàn luật sư, trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và hiệp hội doanh nghiệp.

- Phát triển và tăng cường hiệu quả hoạt động của các tổ chức trọng tài thương mại, trung tâm hòa giải độc lập nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tố tụng truyền thống, tiết kiệm thời gian và chi phí.

- Công khai, minh bạch hóa toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến quá trình tố tụng (phí tòa án, án phí, lệ phí, chi phí thi hành án...), giúp doanh nghiệp chủ động trong việc cân nhắc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp.

- Tăng cường kiểm soát và thống nhất mức phí tố tụng giữa các cơ quan liên quan, tránh tình trạng áp dụng không đồng nhất giữa các địa phương, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện quyền khởi kiện.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ tư vấn viên pháp lý tại các Trung tâm hành chính công, các đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý, đặc biệt ở các địa phương có tỷ lệ tranh chấp phát sinh cao.

- Đẩy mạnh truyền thông, phổ biến pháp luật thông qua nhiều hình thức như hội thảo, bản tin pháp luật, ấn phẩm số... tập trung vào các văn bản mới ban hành, văn bản sửa đổi, nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ pháp lý của doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện cho các Đoàn Luật sư, các tổ chức tư vấn pháp lý trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; khuyến khích các đoàn thể, Hiệp hội, tổ chức tham gia và đa dạng hoá các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

- Thi hành án dân sự tinh phối hợp các cơ quan chức năng liên quan để đẩy nhanh quá trình thi hành án, tập trung giải quyết hiệu quả các hồ sơ tồn đọng, các vụ việc khiếu nại phức tạp, kéo dài, góp phần củng cố niềm tin của doanh nghiệp vào hệ thống thực thi pháp luật.

10.3. Bảo đảm an ninh trật tự và phòng chống vi phạm pháp luật kinh tế

* Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.

* Cơ quan phối hợp: Tòa án nhân dân tỉnh; UBND xã, phường.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá và nâng cao chỉ số “Tình hình an ninh trật tự tại địa phương”, góp phần xây dựng môi trường đầu tư ổn định, tin cậy cho cộng đồng doanh nghiệp.

- Chủ động triển khai các biện pháp nghiệp vụ nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến doanh nghiệp như: Trộm cắp tài sản, phá hoại cơ sở vật chất, cưỡng đoạt, gây rối, đe dọa hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thiết lập đầu mối và quy trình tiếp nhận, xác minh và xử lý thông tin phản ánh từ doanh nghiệp về các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, lợi dụng chức vụ của cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ.

- Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích doanh nghiệp sử dụng các kênh báo cáo chính thức (đường dây nóng, email, nền tảng số) khi phát hiện tiêu cực hoặc cần hỗ trợ bảo vệ quyền lợi hợp pháp trong môi trường kinh doanh.

- Tăng cường công khai dữ liệu về tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh tế, đặc biệt tại các khu, cụm công nghiệp; xem đây là căn cứ quan trọng để rà soát, điều chỉnh chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phòng ngừa rủi ro.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng công an cơ sở, chú trọng công tác bám địa bàn, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các doanh nghiệp trong việc đảm bảo an toàn an ninh trật tự.

- Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm công nghệ cao, tín dụng đen, lừa đảo tài chính và các hành vi vi phạm có tổ chức nhằm bảo vệ hoạt động đầu tư kinh doanh hợp pháp.

- Chủ động triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy tại doanh nghiệp, nhất là tại các khu chế xuất, nhà máy sản xuất quy mô lớn, góp phần hạn chế thiệt hại và nâng cao năng lực ứng phó của doanh nghiệp trước các rủi ro an ninh phi truyền thống.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng sở, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND xã, phường

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này, tổ chức quán triệt, nghiêm túc triển khai thực hiện. Xác định việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên; trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện.

- Trên cơ sở các giải pháp, nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch và Phụ lục I; chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, đề ra biện pháp cụ thể để cải thiện các chỉ số, chỉ tiêu thành phần theo nhiệm vụ được phân công. Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương phải đảm bảo tính khả thi, thực chất gắn với việc nâng cao điểm số, thứ hạng các chỉ số, chỉ tiêu thành phần; các giải pháp phải được lượng hoá, lộ trình thực hiện và mốc thời gian hoàn thành cụ thể, phân công rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị có liên quan. Thời gian ban hành kế hoạch trước ngày 20/9/2025.

- Phân công cán bộ đầu mối theo dõi, tham mưu giải pháp cải thiện các chỉ số, chỉ tiêu thành phần thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện để có giải pháp phù hợp, linh hoạt đảm bảo mục tiêu cải thiện hiệu quả, toàn diện, bền vững môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh.

- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch gửi về Sở Tài chính định kỳ 06 tháng, 01 năm trước ngày 20 tháng cuối của quý hoặc đột xuất theo yêu cầu để tổng hợp, báo cáo UBND.

2. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tổ chức thông tin tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng, các nội dung, nhiệm vụ giải pháp trọng tâm liên quan công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

3. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh, Hiệp hội Du lịch tỉnh, các Chi hội, Hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: Tiếp tục phát huy vai trò cầu nối, tích cực phối hợp, đồng hành cùng cơ quan quản lý nhà nước trong việc tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch, công bằng; chủ động nắm bắt những vấn đề khó khăn, bất cập trong thực hiện TTHC phản ánh với cơ quan thẩm quyền để kịp thời tháo gỡ.

4. Báo và Phát thanh, Truyền hình Tây Ninh: Tuyên truyền, thông tin về các nội dung, nhiệm vụ giải pháp trọng tâm liên quan công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

5. Sở Tài chính

- Là cơ quan đầu mối theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp báo cáo kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch để UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo điều hành.

- Căn cứ kết quả PCI năm 2025 của tỉnh do VCCI công bố và báo cáo của các đơn vị được giao nhiệm vụ trong Kế hoạch này chủ động tổng hợp báo cáo

phân tích, đánh giá chỉ số PCI năm 2025 và đề xuất giải pháp thực hiện cho năm tiếp theo trình UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch tiếp tục cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Tây Ninh năm 2025. UBND tỉnh yêu cầu thủ trưởng sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, kịp thời báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính tổng hợp) xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn Phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Phòng TM&CN Việt Nam (Hà Nội, CN TP.HCM và CN Cần Thơ);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh "t/h";
- UBND xã, phường "t/h";
- Tổ chức chính trị xã hội; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh, Hiệp hội Du lịch tỉnh, các Chi hội, Hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Các cơ quan báo, đài trên địa bàn tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh "t/h";
- Phòng KTTC, TH, VHXH, NC;
- Lưu: VT. Quynh.

Phan 08

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út

Phụ lục I
MỤC TIÊU CẢI THIỆN CHỈ SỐ PCI NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số 963 /KH-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ số thành phần PCI	Trọng số	Kết quả thực hiện năm 2024						Mục tiêu năm 2025		
			Tỉnh Long An			Tỉnh Tây Ninh (cũ)			Điểm thành phần	Điểm đóng góp vào tổng PCI	Xếp hạng
			Điểm thành phần	Điểm đóng góp vào tổng PCI	Xếp hạng	Điểm thành phần	Điểm đóng góp vào tổng PCI	Xếp hạng			
1	Gia nhập thị trường	5%	7,09	3,545	54	7,44	3,72	45	7,5	3,75	Top 15
2	Tiếp cận đất đai	10%	6,97	6,97	10	6,82	6,82	19	7	7	Top 10
3	Tính minh bạch	5%	6,63	3,315	27	6,39	3,195	40	6,8	3,4	Top 15
4	Chi phí thời gian	5%	8,16	4,08	9	7,03	3,515	52	8,67	4,335	Top 5
5	Chi phí không chính thức	15%	7,39	11,085	4	7,26	10,89	11	7,67	11,505	Top 01
6	Cạnh tranh bình đẳng	10%	7,37	7,37	1	6,79	6,79	7	7,37	7,37	Top 01
7	Tính năng động và tiên phong của chính quyền	15%	6,81	10,215	7	6,56	9,84	18	7,41	11,115	Top 02
8	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	15%	7,10	10,65	38	7,04	10,56	41	7,82	11,73	Top 10
9	Đào tạo lao động	10%	7,12	7,12	10	5,94	5,94	46	7,12	7,12	Top 10
10	Thiết chế pháp lý & An ninh trật tự	10%	8,29	8,29	4	7,52	7,52	33	8,4	8,4	Top 03
Điểm số PCI		100%		72,64	3		68,79	20		75,7	Top 5

Ghi chú:

- Điểm đóng góp vào tổng PCI được quy đổi theo thang điểm 100, dựa trên trọng số của từng chỉ số thành phần.
- Điểm thành phần và điểm đóng góp vào PCI có thể chênh lệch nhẹ do làm tròn số trong quá trình tính toán trung bình với nhiều chữ số thập phân.

PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢI THIẾN 10 CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PCI NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 963 /KH-UBND ngày 27/ 8 /2025 của UBND tỉnh)

A. TỔNG QUAN CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI)

1. Mục tiêu năm 2025:
- Mục tiêu điểm số: Phần đầu đạt ≥ 75 điểm

- Mục tiêu vị trí: Giữ vững vị trí trong TOP 5 cả nước
2. Phân công trách nhiệm chung:
- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương

B. NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

TT	Chỉ số	Mục tiêu năm 2025	Đơn vị Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm số		
I	Chỉ số gia nhập thị trường	7,5	Sở Tài chính, Ban QLKT tỉnh chủ trì, theo dõi	Các cơ quan, đơn vị liên quan
1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp (số ngày trung vị)	3 ngày làm việc	Sở Tài chính	Các Sở, ngành tỉnh; UBND cấp cơ sở
2	Tỷ lệ DN cho biết phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ ĐKDN từ 2 lần trở lên (%)	dưới 2%	Sở Tài chính	Các Sở, ngành tỉnh; UBND cấp cơ sở
3	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (số ngày trung vị)	3 ngày làm việc	Sở Tài chính	Các Sở, ngành tỉnh; UBND cấp cơ sở
4	Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi ĐKDN thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện (%)	Trên 75%	Sở Tài chính	Các Sở, ngành tỉnh; UBND cấp cơ sở
5	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (%)	Trên 98%	Trung tâm PVHCC các cấp	Các Sở, ngành tỉnh; UBND cấp cơ sở
6	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ tại bộ phận Một cửa (%)	Trên 96%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Trung tâm PVHCC các cấp

7	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (%)	Trên 96%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Trung tâm PVHCC các cấp
8	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (%)	Trên 94%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Trung tâm PVHCC các cấp
9	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%)	Trên 75%	Sở Tài chính	Trung tâm PVHCC các cấp
10	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%)	Trên 55%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Trung tâm PVHCC các cấp
11	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%)	Trên 52%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Trung tâm PVHCC các cấp
12	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (%)	Trên 56%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Trung tâm PVHCC các cấp
13	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (%)	Trên 55%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Trung tâm PVHCC các cấp
14	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (%)	Trên 52%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Trung tâm PVHCC các cấp
15	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục ĐKDN (%)	Dưới 0,5%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Trung tâm PVHCC các cấp
16	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi ĐKDN (%)	Dưới 0,5%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Trung tâm PVHCC các cấp
17	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	Dưới 26%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Trung tâm PVHCC các cấp
18	Tỷ lệ DN phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	Dưới 3%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Trung tâm PVHCC các cấp
19	Tỷ lệ DN phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	Dưới 0,5%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Trung tâm PVHCC các cấp
II	Chỉ số Chi phí thời gian	8,67	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
1	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước (%)	Dưới 17%	Sở Tư pháp	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường

2	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định cán bộ nhà nước thân thiện (%)	Trên 94%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
3	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (%)	Trên 96%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
4	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (%)	Trên 97%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
5	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thủ tục giấy tờ đơn giản (%)	Trên 95%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
6	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết phí, lệ phí được công khai (%)	Trên 99%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (%)	Trên 94%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
8	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (%)	Trên 87%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
9	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian (%)	Trên 91%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
10	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí (%)	Trên 91%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
11	Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	Dưới 9%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
12	Tỷ lệ DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm (%)	Dưới 2%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
13	Tỷ lệ DN phản ánh cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ những nhiều doanh nghiệp (%)	Dưới 3%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
14	Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (trung vị)	Dưới 8	Thuế tỉnh Tây Ninh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
III	Chỉ số Chi phí không chính thức	7,67	Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
1	Tỷ lệ doanh nghiệp có chi trả chi phí không chính thức (%)	Dưới 22%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
2	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả CPKCT (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	Dưới 34%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
3	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh hiện tượng những nhiều khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (%)	Dưới 59%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Trung tâm PVHCC các cấp
4	Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Trên 95%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường

5	Tỷ lệ DN chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	Dưới 11%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
6	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN/sửa đổi ĐKDN (%)	Dưới 8%	Sở Tài chính	Trung tâm PVHCC các cấp
7	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	Dưới 40%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Trung tâm PVHCC các cấp
8	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra tra an toàn phòng cháy (%)	Dưới 20%	Công an tỉnh	Các cơ quan liên quan
9	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%)	Dưới 36%	Sở NN&MT	Các cơ quan liên quan
10	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%)	Dưới 19%	Cục Quản lý thị trường tỉnh	Các cơ quan liên quan
11	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế (%)	Dưới 23%	Thuế tỉnh Tây Ninh	Các cơ quan liên quan
12	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng (%)	Dưới 14%	Sở Xây dựng	Các cơ quan liên quan
13	DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCT (%)	Dưới 0,5%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
14	Tỷ lệ DN chi trả CPKCT để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (%)	Dưới 33%	Sở NN&MT	UBND xã, phường
15	Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)	Dưới 13%	Sở Tài chính	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
16	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)	Dưới 30%	Tòa án Nhân dân tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
IV	Chỉ số tính năng động, tiên phong của chính quyền	7,41	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp cơ sở
1	Tỷ lệ doanh nghiệp quan sát thấy thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (%)	Trên 67%	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
2	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: "trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo" và "không làm gì" (%)	Dưới 13%	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh" (%)	Dưới 23%	Các sở, ngành tỉnh	Các cơ quan liên quan
4	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi" (%)	Trên 83%	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
5	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% Đồng ý)	Trên 79%	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố" (%)	Dưới 39%	UBND cấp cơ sở	Các cơ quan liên quan

7	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh" (%)	Trên 81%	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
8	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán" (%)	Trên 63%	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
9	Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình (%)	Trên 95%	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
V	Chỉ số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	Trên 7,82	Sở Tài chính, Công Thương chủ trì, theo dõi	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
1	Thủ tục tiếp cận tín dụng cho DNNVV là dễ thực hiện (%)	Trên 88%	Ngân hàng nhà nước khu vực XIII	Các cơ quan liên quan
2	Thủ tục tiếp cận hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp là dễ thực hiện (%)	Trên 88%	Sở Tài chính	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
3	Thủ tục tiếp cận mặt bằng tại các KCN/CCN là dễ thực hiện (%)	Trên 87%	Ban QLKKT tỉnh, Sở Công Thương	Các cơ quan, địa phương liên quan
4	Thủ tục tiếp cận dịch vụ tư vấn pháp luật là dễ thực hiện (%)	Trên 88%	Sở Tư pháp	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường; Trung tâm PVHCC các cấp
5	Thủ tục tiếp cận dịch vụ tư vấn thông tin thị trường là dễ thực hiện (%)	Trên 89%	Sở Công Thương	Các cơ quan, địa phương liên quan
6	Thủ tục tiếp cận các chương trình đào tạo, tập huấn về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp là dễ thực hiện (%)	Trên 88%	Sở KH&CN; Sở Tài chính; Công Thương; Ban QLKKT	Các cơ quan, địa phương liên quan
7	Thủ tục tiếp cận các chương trình đào tạo nghề cho người lao động là dễ thực hiện (%)	Trên 91%	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương liên quan
8	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (%)	Trên 66%	Sở Công Thương	Các cơ quan, địa phương liên quan
9	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả (%)	Trên 64%	Sở Công Thương	Các cơ quan, địa phương liên quan
10	Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs (%)	Trên 26%	Sở Công Thương	Các cơ quan, địa phương liên quan
11	Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi (%)	Trên 76%	Sở Công Thương	Các cơ quan, địa phương liên quan
12	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)	Trên 4,79%	Sở Tài chính	Các cơ quan, địa phương liên quan

13	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	Trên 98%	Sở Tài chính	Các cơ quan, địa phương liên quan
VI	Chỉ số tiếp cận đất đai	7	Sở NN&MT chủ trì theo dõi	UBND xã, phường; Các cơ quan, đơn vị liên quan
1	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	Dưới 30	Sở NN&MT	UBND xã, phường
2	Tỷ lệ doanh nghiệp không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	Trên 46%	Sở NN&MT	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
3	Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	Dưới 8%	Sở NN&MT	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
4	Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)	Dưới 3%	Sở NN&MT	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
5	Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (%)	Dưới 5%	Sở NN&MT	UBND xã, phường
6	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%)	Dưới 60%	Sở NN&MT	UBND xã, phường
7	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết TTHC đất đai không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%)	Dưới 47%	Sở NN&MT	UBND xã, phường
8	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất nhiều thời gian (%)	Dưới 53%	Sở NN&MT	UBND xã, phường
9	Doanh nghiệp đánh giá mức độ rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	Dưới 1.5	Sở NN&MT	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
10	Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (%)	Trên 42%	Sở NN&MT	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
11	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (%)	Trên 87%	Sở NN&MT	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
12	Tỷ lệ doanh nghiệp không gặp khó khăn khi thực hiện các TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua (%)	Trên 56%	Sở NN&MT	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
13	Tỷ lệ doanh nghiệp không làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu (%)	Dưới 17%	Sở NN&MT	UBND xã, phường
14	Tỷ lệ DN phải trì hoãn / hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các TTHC đất đai (%)	Dưới 58%	Sở NN&MT	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
VII	Chỉ số Tính minh bạch	6,8	Sở Tư pháp chủ trì theo dõi	Các Sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường

1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	Trên 3,19	Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở NN&MT	UBND xã, phường
2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	Trên 3,32	Sở Tư pháp	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
3	Tỷ lệ doanh nghiệp quan sát thấy Minh bạch trong đấu thầu (%)	Trên 35%	Sở Tài chính	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
4	Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp (%)	Trên 67%	Các Sở, ngành tỉnh; UBND cấp cơ sở	Các cơ quan có liên quan
5	Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (Trung vị)	6	Các Sở, ngành tỉnh; UBND cấp cơ sở	Các cơ quan có liên quan
6	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (%)	Trên 58%	Sở Tài chính	Ban Quản lý KKT tỉnh; Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
7	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (%)	Trên 90%	Trung tâm PVHCC tỉnh	Các sở, ngành tỉnh
8	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (%)	Trên 65%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
9	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (%)	Trên 76%	Sở Tư pháp	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
10	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% Quan trọng hoặc Rất quan trọng)	Dưới 18%	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp cơ sở	Các cơ quan liên quan
11	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Thương lượng với cán bộ thuế là phân thiết yếu trong hoạt động kinh doanh" (%)	Dưới 29%	Thuế tỉnh Tây Ninh	Các cơ quan liên quan
12	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (%)	Dưới 27%	Thuế tỉnh Tây Ninh	Các cơ quan liên quan
13	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng (%)	Trên 85%	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
14	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể)	Trên 44%	Sở Tư pháp	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
15	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thể)	Trên 47%	Sở Tư pháp	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
16	Chất lượng website của tỉnh - Điều chỉnh năm 2021	Trên 60,10	Sở KH&CN	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
17	Tỷ lệ DN thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh (%)	Trên 53%	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan liên quan
VIII	Chỉ số cạnh tranh bình đẳng	7,37	Sở Tài chính theo dõi	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường

1	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác" (%)	Trên 91%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành tỉnh
2	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Tinh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với DNNVV trong nước" (%)	Dưới 57%	Sở Tài chính	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
3	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Tinh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển DNNVV tại địa phương" (%)	Dưới 24%	Sở Tài chính; Ban QLKT tỉnh; Sở Công Thương	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
4	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn" (%)	Dưới 27%	Sở NN&MT	UBND xã, phường
5	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "TTHC nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn" (%)	Dưới 23%	Trung tâm PVHCC các cấp	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
6	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "Dễ dàng có được các hợp đồng từ CQNN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn" (%)	Dưới 22%	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Các cơ quan liên quan
7	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn" (%)	Dưới 23%	Sở NN&MT	UBND xã, phường
8	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp" lớn (%)	Dưới 27%	Văn phòng UBND tỉnh; Sở KH&CN	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
9	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn" (%)	Dưới 26%	Thuế tỉnh Tây Ninh	Các cơ quan liên quan
10	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Sự ưu đãi của tỉnh cho doanh nghiệp lớn (cả DNNN và DN tư nhân và DN FDI) gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tôi" (%)	Dưới 50%	Sở Tài chính	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường
11	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với cán bộ chính quyền tỉnh" (%)	Dưới 42%	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Các cơ quan liên quan
IX	Chỉ số đào tạo lao động	Trên 7,12	Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi	Các cơ quan, địa phương liên quan
1	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%)	Trên 74%	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương liên quan
2	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%)	Trên 57%	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương liên quan
3	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%)	Trên 48%	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương liên quan

4	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	Dưới 5,35%	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương liên quan
5	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	Dưới 5,42%	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương liên quan
6	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	Trên 75%	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương liên quan
7	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%)	Trên 70,53%	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương liên quan
8	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (%), TCTK)	Trên 28,8%	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương liên quan
9	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN (%)	Trên 69%	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương liên quan
10	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	Trên 81%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, địa phương liên quan
11	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDDĐT)	Trên 7,09	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, địa phương liên quan
X	Chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Trên 8,4	Công an tỉnh, Tòa án Nhân dân tỉnh chủ trì, theo dõi	Các cơ quan, địa phương liên quan
1	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	Trên 67%	Sở Tư pháp; Thanh tra tỉnh; Công an tỉnh	Các sở ngành tỉnh; UBND xã, phường
2	Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý)	Trên 95%	Sở Tư pháp; Công an tỉnh	Các sở ngành tỉnh; UBND xã, phường
3	Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	Trên 70%	Tòa án Nhân dân tỉnh	Các sở ngành tỉnh; UBND xã, phường
4	Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	Trên 75%	Thanh tra tỉnh	Các sở ngành tỉnh; UBND xã, phường
5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% Đồng ý)	Trên 98%	Tòa án Nhân dân tỉnh	Các sở ngành tỉnh; UBND xã, phường
6	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% Đồng ý)	Trên 93%	Tòa án Nhân dân tỉnh	Các sở ngành tỉnh; UBND xã, phường
7	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% Đồng ý)	Trên 93%	Cục Thi hành án tỉnh	Các sở ngành tỉnh; UBND xã, phường
8	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% Đồng ý)	Trên 96%	Sở Tư pháp	Các sở ngành tỉnh; UBND xã, phường

9	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biên mới năm 2021	Trên 89%	Tòa án Nhân dân tỉnh	Các sở ngành tỉnh; UBND xã, phường
10	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biên mới năm 2021	Trên 86%	Tòa án Nhân dân tỉnh	Các sở ngành tỉnh; UBND xã, phường
11	Phán quyết của toà án là công bằng (% Đồng ý)	Trên 97%	Tòa án Nhân dân tỉnh	Các sở ngành tỉnh; UBND xã, phường
12	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (TANDTC)	Trên 2,28	Tòa án Nhân dân tỉnh	Các sở ngành tỉnh; UBND xã, phường
13	Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Toà án kinh tế tỉnh (% TANDTC)	Trên 98%	Tòa án Nhân dân tỉnh	Các sở ngành tỉnh; UBND xã, phường
14	Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (% TANDTC)	Trên 89%	Tòa án Nhân dân tỉnh	Các sở ngành tỉnh; UBND xã, phường
15	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt (%)	Trên 87%	Công an tỉnh	UBND xã, phường
16	Tỷ lệ DN bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua (%)	Dưới 3%	Công an tỉnh	UBND xã, phường
17	Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của DN hiệu quả (%)	Trên 96%	Công an tỉnh	UBND xã, phường
18	Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	Dưới 1%	Công an tỉnh	UBND xã, phường